

NGHỊ QUYẾT

**Quy định tỷ lệ chi phí quản lý và mức chi phí chi trả thực hiện chính sách,
chế độ ưu đãi người có công với cách mạng do ngân sách trung ương
đảm bảo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số
02/2020/UBTVQH14;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có
công với cách mạng;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng chi thường xuyên thực hiện
chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có
công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao
động - Thương binh và Xã hội quản lý;*

*Căn cứ Thông tư số 95/2025/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2022/TT-
BTC ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và
sử dụng chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với
cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia
kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý;*

*Xét Tờ trình số 644/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý và mức chi
phí chi trả thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng do
ngân sách trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra
của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý và
mức chi phí chi trả thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách
mạng do ngân sách trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tỷ lệ chi phí quản lý và mức chi phí chi trả thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng do ngân sách trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 và điểm e, điểm g khoản 2 Điều 7 Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 95/2025/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2022/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Nội vụ quản lý.

b) Người trực tiếp thực hiện chi trả trợ cấp hoặc tổ chức dịch vụ chi trả chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Tỷ lệ chi phí quản lý

Cấp tỉnh được phân bổ 20% và cấp xã được phân bổ 80% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng hằng năm của xã, phường.

Điều 3. Mức chi phí chi trả

Mức chi thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp, phụ cấp hoặc tổ chức dịch vụ chi trả bằng 0,35% trên tổng kinh phí chi trả thực tế cho đối tượng của từng xã, phường.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí hằng năm trong dự toán do ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm thông tin điều hành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Dũng